

Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

TS.BS. HUỲNH TẤN TIẾN

ThS. VŨ XUÂN ĐÁN



1. VẤN ĐỀ

TP. Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước. Giá trị sản xuất công nghiệp của TP.HCM chiếm khoảng 45% giá trị sản lượng công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đóng góp khoảng 26% quy mô sản xuất công nghiệp toàn quốc. Vấn đề quản lý môi trường và sức khỏe nghề nghiệp cần phải được chú trọng.



2. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



Quan trắc môi trường lao động
0909 969 524

Việc quan trắc, giám sát môi trường lao động và khám bệnh nghề nghiệp hàng năm được quy định trong luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 nhằm giúp doanh nghiệp cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tăng cường sự hồi phục sức khỏe và giảm thiểu số người lao động bị tai nạn và mắc bệnh nghề nghiệp.

Năm 2017, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường quan trắc môi trường lao động tại khoảng 1.200 đơn vị gồm các ngành nghề chủ yếu như may mặc, dịch vụ y tế, cơ khí, da giày, chế biến thực phẩm, nhựa...

KẾT QUẢ

Mức độ ô nhiễm không khí trong môi trường lao động thay đổi tùy thuộc nhiều vào loại ngành nghề:

- Ngành nhựa những yếu tố không đạt tiêu chuẩn vệ sinh về nhiệt độ, tiếng ồn và hơi hóa chất;
- Ngành cơ khí, dệt, chế biến gỗ thường không đạt tiêu chuẩn về tiếng ồn;
- Ngành chế biến gỗ, bao bì không đạt về yếu tố bụi; tiếng ồn, hóa chất;
- Ngành da giày thường có yếu tố tiếng ồn và hơi dung môi.

| STT | Ngành nghề sản xuất | Số DV quan trắc MTLD | Tiếng ồn | | | Bụi | | | Hơi khí độc | | |
|-----|------------------------|-------------------------------|-------------|-------------|----------------------|-------------|-------------|----------------------|-------------|-------------|----------------------|
| | | | Tổng mẫu | Mẫu vượt | Tỉ lệ mẫu vượt | Tổng mẫu | Mẫu vượt | Tỉ lệ mẫu vượt | Tổng mẫu | Mẫu vượt | Tỉ lệ mẫu vượt |
| 1 | Dịch vụ y tế | 81 | 1955 | 268 | 13.71 | 529 | 0 | 0.00 | 1495 | 295 | 19.73 |
| 2 | Cơ khí | 123 | 1136 | 412 | 36.27 | 566 | 7 | 1.24 | 583 | 16 | 2.74 |
| 3 | Dệt | 13 | 130 | 62 | 47.69 | 57 | 0 | 0.00 | 28 | 0 | 0.00 |
| 4 | Chế biến gỗ | 26 | 231 | 93 | 40.26 | 215 | 6 | 2.79 | 87 | 4 | 4.60 |
| 5 | Da giày | 31 | 552 | 80 | 14.49 | 227 | 0 | 0.00 | 327 | 7 | 2.14 |
| 6 | dược phẩm | 19 | 214 | 29 | 13.55 | 109 | 2 | 1.83 | 219 | 1 | 0.46 |
| 7 | Bao bì | 38 | 247 | 45 | 18.22 | 150 | 4 | 2.67 | 70 | 1 | 1.43 |
| 8 | Ngành in | 43 | 352 | 54 | 15.34 | 179 | 0 | 0.00 | 240 | 6 | 2.50 |
| 9 | Ngành may | 165 | 2365 | 75 | 3.17 | 1179 | 0 | 0.00 | 425 | 22 | 5.18 |
| 10 | Ngành nhựa | 128 | 761 | 156 | 20.50 | 366 | 4 | 1.09 | 452 | 17 | 3.76 |
| 11 | Thực phẩm | 60 | 724 | 180 | 24.86 | 289 | 2 | 0.69 | 539 | 47 | 8.72 |
| 12 | Văn phòng | 63 | 524 | 14 | 2.67 | 169 | 0 | 0.00 | 491 | 115 | 23.42 |
| | Tổng cộng | 790 | 9191 | 1468 | 15.97 | 4035 | 25 | 0.62 | 4956 | 531 | 10.71 |

Ồn văn phòng 65 decibelA
Ồn sản xuất 85 decibelA

Những yếu tố ô nhiễm môi trường không khí cần quan tâm môi trường lao động là tiếng ồn, bụi, hơi khí độc, vi khí hậu ...

➤ Tiếng ồn văn phòng không vượt quá 65dbA, sản xuất không vượt 85dbA trong 8 giờ lao động.

➤ Bụi: hữu cơ, vô cơ, vi sinh vật.

➤ Hơi khí độc gồm dung môi, và các chất hữu cơ và cả CO₂ ở văn phòng có máy điều hòa.

➤ Vi khí hậu nóng.











3. BỆNH NGHỀ NGHIỆP



- Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đến người lao động.
- Bệnh xảy ra từ từ hoặc cấp tính.
- Bệnh có thể để lại di chứng hoặc không.
- Có thể phòng tránh được bệnh nghề nghiệp.

CÁC BỆNH NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC BẢO HIỂM

Nước ta tính đến nay theo thông tư số 15/2016/TT-BYT quy định về bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm xã hội là 34 bệnh.

Nhóm 1: Các bệnh bụi phổi và phế quản

1. Bệnh bụi phổi Silic nghề nghiệp.
2. Bệnh bụi phổi amiăng.
3. Bệnh bụi phổi bông.
4. Bệnh bụi phổi Talc.
5. Bệnh bụi phổi than nghề nghiệp
6. Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp.
7. Bệnh hen phế quản nghề nghiệp.

Nhóm 2: Các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp

1. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì.
2. Bệnh nhiễm độc benzen và các chất đồng đẳng benzen.
3. Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất thủy ngân.
4. Bệnh nhiễm độc mangan nghề nghiệp.
5. Bệnh nhiễm độc TNT (trinitrotoluen).
6. Bệnh nhiễm độc asen và các hợp chất asen nghề nghiệp.

Nhóm 2 : Các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp

7. Bệnh nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật.
8. Bệnh nhiễm độc nicotin nghề nghiệp.
9. Bệnh nhiễm độc carbomonocit nghề nghiệp.
10. Bệnh nhiễm độc cadimi nghề nghiệp.
11. Bệnh ung thư trung biểu mô nghề nghiệp
(do tiếp xúc bụi amiăng)

Nhóm 3: Các bệnh nghề nghiệp do yếu tố vật lý

1. Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn.
2. Bệnh giảm áp nghề nghiệp.
3. Bệnh nghề nghiệp do rung toàn thân.
4. Bệnh nghề nghiệp do rung cục bộ.
5. Bệnh phóng xạ nghề nghiệp.
6. Bệnh đục thủy tinh thể nghề nghiệp.

Nhóm 4: Các bệnh da nghề nghiệp

1. Bệnh nốt dầu nghề nghiệp.
2. Bệnh sạm da nghề nghiệp.
3. Bệnh viêm da tiếp xúc nghề nghiệp do Crom.
4. Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài.
5. Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc với cao su tự nhiên, hóa chất phụ gia cao su.

Nhóm 5 : Các bệnh nhiễm khuẩn nghề nghiệp

1. Bệnh leptospira nghề nghiệp.
2. Bệnh viêm gan virus B nghề nghiệp.
3. Bệnh lao nghề nghiệp.
4. Bệnh nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
5. Bệnh viêm gan virus C nghề nghiệp.

A word cloud centered around the main title "OCCUPATIONAL DISEASE". The words are arranged in a roughly triangular shape, with the largest words at the top and smaller words at the bottom. The background is white with a light blue border at the top.

OCCUPATIONAL DISEASE

Other words in the cloud include: SYNDROME, SUNBURN, AFFECTING, SKIN, CONCERN, POPULATION, UTILIZED, TECHNOLOGY, URTICARIA, INFORMATION, COMPENSATION, JURISDICTIONS, MINERS, TUNNEL, PERSONS, ORIGIN, CARCINOMA, COMPOUNDS, INCLUDE, ASBESTOSIS, TRAUMATIC, PREVALENT, WORK, POISONING, OCCUPATIONAL, BODY, CHIMNEY, TEXTILE, AILMENT, EMPLOYER, OPERATORS, DISEASE, COTTON, COAL, PARTIALLY, WORKERS, BOYS, SCROTUM, INSURER, VIBRATION, LEAD, PREDISPOSE, POULTRY, MACHINERY, OCCUPATIONS, QUARRYING, COMPENSATED, LUNG, ASTHMA, INDOR, ASBESTOSIS, MUSCULAR, AUTHORITIES, RECOGNISED, PRESUMPTION, EMPLOYER, AILMENT, ALARMS, SCROTUM, MACHINERY, COMPENSATED, LUNG, ASTHMA.





| <i>STT</i> | <i>BNN KHÁM VÀ PHÁT HIỆN 2017</i> | <i>Số ĐV</i> | <i>SL khám</i> | <i>SL nữ</i> | <i>SL theo dõi</i> | <i>SL mắc bệnh</i> | <i>SL giám định</i> |
|------------|---|--------------|----------------|--------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Bệnh bụi phổi silic | 6 | 190 | 44 | 1 | 0 | 0 |
| 2 | Bệnh bụi phổi amiăng | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Bệnh bụi phổi bông | 4 | 673 | 473 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Bệnh bụi phổi than | 1 | 17 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Bệnh viêm phế quản mạn tính | 47 | 7.403 | 2.809 | 2 | 0 | 0 |
| 6 | Bệnh hen phế quản | 3 | 518 | 161 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Bệnh nhiễm độc chì | 5 | 235 | 63 | 31 | 0 | 0 |
| 8 | Bệnh nhiễm độc do benzen và đồng đẳng | 7 | 663 | 257 | 3 | 0 | 0 |
| 9 | Bệnh nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật | 6 | 648 | 140 | 1 | 0 | 0 |
| 10 | Bệnh điếc NN do tiếng ồn | 99 | 13.645 | 5.094 | 961 | 25 | 2 |
| 11 | Bệnh lao nghề nghiệp | 8 | 538 | 386 | 1 | 0 | 0 |

4. KẾT LUẬN

1. Sự ô nhiễm không khí trong môi trường lao động là rất rõ ràng và thay đổi tùy thuộc vào loại ngành sản xuất.
2. Bệnh nghề nghiệp vẫn còn là vấn đề sức khỏe cộng đồng nên cần phải được quan tâm trong việc khám, giám định và phòng bệnh cho người lao động .



Thank You!